TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08/03/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Đỗ Quang Huy và Nguyễn Trùng Dương.

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 08 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989;

Đều có HKTT và cư trú: Thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

3. Người có quyền lợi liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân xã P.

Địa chỉ: Xã P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn S – Giám đốc điều hành.

Chị H có mặt; anh C, ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với với anh Nguyễn Văn C từ năm 2010 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh C vốn bản tính vũ phu, gia trưởng, lại nghiện rượu, mỗi khi say đều không làm chủ được bản thân, chửi bới, đánh đập vợ con. Tháng 9/2021, khi vợ chồng đến nhà ngoại chơi, anh C uống rượu say rồi chửi bới cả gia đình bên ngoại và dọa đánh đập chị ngay trước mặt bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng ly thân tháng 9/2021 cho đến nay và không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tấn S (Nguyễn Tuấn S), sinh ngày 10/8/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 29/4/2012 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 11/6/2014. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu C, để anh C nuôi dưỡng cháu S và cháu P đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh C 1.500.000đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 03/2022 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H thừa nhận vợ chồng nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã P số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và xin tự thỏa thuận việc trả nợ với Quỹ tín dụng nhân dân xã P, không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng chị không còn khoản công nợ chung nào khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Anh C xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bản thân anh cũng thừa nhận do nghi ngờ vợ ngoại tình, ghen tuông nên khoảng từ năm 2018 anh hay đánh đập chị H, thậm chí khi say còn chửi bới gây sự ngay tại nhà bố mẹ vợ. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2021và chị H không chấp nhận quay về chung sống với anh nữa. Tuy xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng anh vẫn muốn chị H quay về đoàn tụ vì các con. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng đành chấp nhận, không níu giữ.

Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tấn S (Nguyễn Tuấn S), sinh ngày 10/8/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 29/4/2012 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 11/6/2014. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu P, để cháu S và cháu C cho chị H nuôi. Hiện anh làm chăn nuôi tại nhà, thu nhập bình quân 2.000.000đ/tháng và có chỗ ở ổn định tại thôn L, xã P.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Ngoài khoản vay 200.000.000đồng với Quỹ tín dụng nhân dân xã P, vợ chồng còn nợ bên ngoài tổng số tiền khoảng 400.000.000đồng nhưng anh chưa đưa ra quan điểm giải quyết rõ ràng và chưa xuất trình được chứng cứ chứng minh.

UBND xã P nơi cư trú của đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, bản thân cả hai bên đều thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, do ghen tuông nên anh C có đánh chửi chị H, tình cảm vợ chồng không còn nhưng phía anh C vẫn muốn níu giữ hôn nhân chỉ vì con cái... Do hôn nhân giữa chị H và anh C chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh C; Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tấn S (Nguyễn Tuấn S), sinh ngày 10/8/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 29/4/2012 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 11/6/2014. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao các cháu S và P cho anh C, giao cháu C cho chị H nuôi dưỡng, chị Hoa phải cấp dưỡng cho anh C nuôi con do anh thu nhập thấp hơn là phù hợp.

Người có quyền lợi liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân xã P do ông Đỗ Văn S – Giám đốc điều hành làm đại diện theo Pháp luật có quan điểm:

Vợ chồng chị H anh C hiện đang nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã P số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Quá trình tố tụng, Qũy đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến khoản nợ nêu trên nhưng do khoản nợ vẫn

chưa đến hạn, phía khách hàng vẫn thanh toán gốc và lãi đúng hạn nên Quỹ không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trọng vụ án ly hôn này.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị C, sinh ngày 11/6/2014 và giao anh Chiến trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tấn S (Nguyễn Tuấn S), sinh ngày 10/8/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 29/4/2012; Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh C 1.500.000đồng/01 con/ 01 tháng; Về tài sản chung và công nợ chung do các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn C là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2010 tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nghi ngờ lẫn nhau khiến vợ chồng thường xảy ra va chạm, xô xát. Vợ chồng ly thân kể từ tháng 9/2021 đến nay. Phía anh C cũng thừa nhận do ghen tuông nên hay đánh chửi chị H, thậm chí khi say rượu còn chửi bới và dọa đánh chị H ngay tại nhà vợ. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn mà mong chị H quay về đoàn tụ... Tại phiên Tòa hôm nay, phía chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không còn, việc anh C viện lý do vì các con để níu giữ hôn nhân không xuất phát từ tình cảm vợ chồng vốn là nền tảng của hôn nhân, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được, hôn nhân từ lâu đã không còn ý nghĩa... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tấn S (Nguyễn Tuấn S), sinh ngày 10/8/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 29/4/2012 và Nguyễn Thị

C, sinh ngày 11/6/2014. Quá trình tố tụng, cháu S và cháu P có nguyện vọng ở với anh C còn cháu C thì muốn ở với chị H. Hiện chị Hlàm công nhân thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng và hiện đang ở nhờ nhà mẹ đẻ, phía anh C làm chăn nuôi thu nhập 2.000.000đ/tháng nhưng có chỗ ở ổn định tại thôn L, xã P... nên cả hai đều có điều kiện nuôi con.

Căn cứ vào sự ổn định tâm sinh lý, giới tính cũng như nguyên vọng của các con chung và điều kiện của hai bên nên giao anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Tấn S và Nguyễn Tấn P, để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị C là phù hợp. Do anh C có thu nhập thấp hơn nên việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh C 1.500.000đ/01 con chung/01 tháng là hợp lý, nên ghi nhận.

[4].Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về công nợ chung: Các bên đều xác nhận vợ chồng anh C, chị H nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã P 200.000.000đồng. Tuy nhiên, cả anh C, chị H và Quỹ tín dụng nhân dân xã P đều đề nghị không giải quyết khoản công nợ chung nói trên trong vụ án này nên Tòa không xét.

Ngoài khoản nợ nêu trên, phía anh C trình bày còn nợ bên ngoài 400.000.000đồng nhưng phía chị H không thừa nhận. Mặc dù đã được Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh C không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc vợ chồng có nợ 400.000.000đ nêu trên đồng thời từ chối nộp tạm ứng án phí giải quyết công nợ nên không có cơ sở để xem xét giải quyết đối với số nợ này.

Trường hợp sau khi giải quyết việc kiện ly hôn, các bên có tranh chấp về công nợ chung của vợ chồng anh C, chị H thì có quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo*:*

Chị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị C, sinh ngày 11/6/2014; giao anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Tấn S (Nguyễn Tuấn S), sinh ngày 10/8/2010 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 29/4/2012.

Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C đối với mỗi con chung bằng 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 03/2022 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị H, anh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các bên không đề nghị Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về công nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0047704 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội*
- *VKSND huyện Phú Xuyên*
- *Chi cục THA huyện Phú Xuyên*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong